

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 32/2020/HSST

Ngày: 05-5-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhân
Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Lê Na.

Ông Nghiêm Thế Hùng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2020/HSST ngày 08 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXXST-HS ngày 21-4-2020 đối với bị cáo:

BAN VĨNH S, sinh năm 1992 tại Bình Định; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ 3, phường N. P, Tp. Q, Tỉnh B; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Hán; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ban Gia Bảo, sinh năm 1960 và bà Đỗ T. M. Châu, sinh năm 1966. Hiện cha, mẹ bị cáo đang trú tại bang C, nước Mỹ; Gia đình bị cáo có 03 anh, em ruột (lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1992); bị cáo có vợ là Huỳnh T.M.D, sinh năm 1993; có 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Ban Vĩnh S bị tạm giữ từ ngày 25-12-2019 đến ngày 03-01-2020, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn V. T. L, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 3, phường H, Tp.P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Trần T.T, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Đ, tỉnh N. Vắng mặt.

- Chị Huỳnh T.M.D, sinh năm 1993; địa chỉ: 347 Hùng Vương, Tổ 3, phường N. P, Tp. Q, Tỉnh B. Có mặt.

Người chứng kiến:

- Anh Nguyễn T. D.H, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 10, phường T, thành phố

P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

Ban Vĩnh S là người có sử dụng ma túy. Vào ngày 09-12-2019, S gặp và được một đối tượng quen biết ngoài xã hội (không rõ họ tên tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định) cho S01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng được gói lại bên trong có ma túy khay (Ketamine) và S đã cất vào ví da mang theo trong người. Vào khoảng 15 giờ ngày 24-12-2019, S đón xe khách đến thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, để tìm môi buôn bán lập xưởng. Đến 23 giờ cùng ngày, Svào bàn Vip 4A quán Bar S.E.F Lounge & Chill số 08 Hoàng Văn Thụ, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai, lấy gói ma túy ra sử dụng một ít, rồi gói lại cất vào ví da để trong túi quần đang mang trên người. Đến 0 giờ 30 phút ngày 25-12-2019, khi Sđang ngồi tại bàn Vip 4A quán Bar S.E.F Lounge & Chill số 08 Hoàng Văn Thụ, Tổ 2, phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật; Cơ quan điều tra đã thu giữ và niêm phong 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng gói lại, bên trong có chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể. S khai nhận đây là ma túy khay và cất giữ với mục đích để sử dụng. Ngoài ra, còn thu giữ của Sơn: 01 ví da màu nâu, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng kèm sim số (mặt sau sim có dãy số 89840200010524938040) (Bút lục số: 29-30, 36-50; 53-54).

Bị cáo Ban Vĩnh S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Qua giám định, tại bản Kết luận giám định số: 90/KLGĐ ngày 02-01-2020, của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Chất dạng bột, tinh thể, màu trắng, dạng tinh thể trong 01 gói bằng giấy tiền mệnh giá 2.000 đồng trong bì thư niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng 1,3118 gam”*.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 60/CT-VKS ngày 07-4-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Ban Vĩnh S về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Ban Vĩnh S và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Ban Vĩnh S phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

Đề nghị áp dụng điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm

2017; xử phạt bị cáo Ban Vĩnh S với mức án tù 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 25-12-2019.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) bì công văn số: 90/KLGĐ ngày 02-01-2020 có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai (có các chữ ký của Vũ D.N, Nguyễn M.T, Nguyễn Đ. H).

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc ví da màu nâu (ví cũ) của bị cáo dùng để đựng ma túy.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước tờ giấy tiền mệnh giá 2.000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận vì việc làm của mình, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Ban Vĩnh S phạm tội như sau:

Ban Vĩnh S là người sử dụng ma túy. Vào ngày 09-12-2019, tại thành phố Q, tỉnh B, bị cáo được một đối tượng quen biết ngoài xã hội (không rõ họ tên) cho 01 gói bằng tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng bên trong có chứa ma túy, loại Ketamine, bị cáo cất giấu trong ví da với mục đích để sử dụng. Vào khoảng 23 giờ ngày 24-12-2019, bị cáo vào ngồi tại bàn Vip 4A quán Bar S.E.F Lounge & Chill số 08 H, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai và lấy gói ma túy ra sử dụng một ít, còn gói lại cất vào ví da để trong túi quần. Đến 0 giờ 30 phút ngày 25-12-2019, bị cáo đã bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật.

Ma túy là chất độc, có nguồn gốc tự nhiên hoặc tổng hợp, khi vào cơ thể con người có tác dụng làm thay đổi trạng thái ý thức và tâm sinh lý của con người, làm hạn chế hoạt động của não bộ và gây ức chế hệ thần kinh. Sự nghiện ngập là biểu hiện của trạng thái ngộ độc mãn tính do chất ma túy gây ra, làm tổn thương cho bản thân. Ma túy gây tác hại về nhiều mặt trong đời sống, xã hội. Sử dụng ma túy làm suy thoái nhân cách, phẩm giá con người, gây xói mòn đạo lý, kinh tế, xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy mà còn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo Ban Vĩnh S là người đã trưởng thành, có trình độ học vấn nhất định, lẽ ra bị cáo phải nhận thức được tác hại và hậu quả của sử dụng ma túy. Nhưng vì muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân bị cáo đã tàng trữ 1,3118 gam ma túy dạng Ketamine với mục đích để sử dụng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, góp phần tiếp tay gieo rắc nạn dịch HIV-AIDS và những tệ nạn xã hội khác. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra, nhằm giáo dục bị cáo cải tạo bản thân tiến bộ là cần thiết.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính trong gia đình được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về vật chứng vụ án:

Đối với số ma túy còn sau giam định trong bì công văn số 90/KLGD ngày 2-01-2020 có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai (có các chữ ký của Vũ D. N, Nguyễn M.T, Nguyễn Đ. H). Xét đây là tang vật của vụ án nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc ví da màu nâu (ví cũ). Xét đây là phương tiện mà bị cáo dùng để đựng ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 2.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Xét đây là tiền mà bị cáo dùng để đựng ma túy nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung: Mục đích tàng trữ ma túy của bị cáo để sử dụng, bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với người đối tượng thanh niên là người đã cho bị cáo ma túy, quá trình điều tra do bị cáo không biết được nhân thân, lai lịch của đối tượng này. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xem xét và xử lý sau.

[6] Về án phí: Bị cáo Ban Vĩnh S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy

định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

- Căn cứ vào điểm g khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Ban Vĩnh S.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ban Vĩnh S phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Ban Vĩnh S 01(một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 25-12-2019.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn sau giam định trong bì công văn số 90/KLGD ngày 02-01-2020, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai (có các chữ ký của Vũ D. N, Nguyễn M.T, Nguyễn Đ. H) và 01 chiếc ví da màu nâu (ví cũ).

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 2000đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(Tất cả theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17-4-2020 giữa Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Ban Vĩnh S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố Tụng hình sự năm 2015;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. P;
- Công an Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nhàn

